

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 23 - 11 - 2021

V/v: *Ly hôn, nuôi con, chia tài sản
chung giữa chị O và anh H.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Văn Đề;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2021/TLST- HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/11/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm 7, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (có mặt);

- *Bị đơn:* Anh Bùi Duy H, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 7, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (có mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng NN chi nhánh Hải Hậu - Nam Định;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị T – Phó giám đốc chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (có mặt);

2. Anh Mai Xuân N; sinh năm 1976 và chị Vũ Thị H, sinh năm 1980; đều có địa chỉ: Xóm 19, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (anh Ninh có mặt; chị Hoa có đơn xin xét xử vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của chị H: Anh Mai Xuân N, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm 19 xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (văn bản ủy quyền ngày 15/10/2021);

3. Bà Trần Thị H, sinh năm 1965 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964; đều có địa chỉ: Xóm 8, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (có đơn xin vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Trần Thị H, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm 8, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (văn bản ủy quyền ngày 18/10/2021); (có đơn xin vắng mặt);

4. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 10, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (có đơn xin vắng mặt);

5. Ông Trần Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm 7, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (có đơn xin vắng mặt);

6. Bà Vũ Thị L(tức Nguyễn Thị K), sinh năm 1938; địa chỉ: Xóm 8, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (có đơn xin vắng mặt);

7. Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1956 và bà Mai Thị H, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 8, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà H: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm 8, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (văn bản ủy quyền ngày 15/10/2021); (có đơn xin vắng mặt);

8. Bà Mai Thị H1, sinh năm 1963, địa chỉ: Xóm 3, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (có đơn xin vắng mặt);

9. Bà Lã Thị M, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm 5, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (có đơn xin vắng mặt);

10. Bà Trần Thị V, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm 13, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn; lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị O trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O và anh Bùi Duy H đăng ký kết hôn với nhau ngày 23/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã N, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã N nhưng cuộc sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống khác nhau, vợ

chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế khiến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị O đề nghị được Tòa án cho được ly hôn anh Bùi Duy H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị T. D, sinh ngày 24/11/2004 bị bệnh thiếu máu huyết tán, xơ gan và Bùi Duy M, sinh ngày 31/7/2008, hiện cả hai con đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị O có nguyện vọng được xin được nuôi hai con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con mà để anh H tự đi lại thăm nom chăm sóc con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có thừa đất số 256, tờ bản đồ số 25, diện tích 287,0m² (trong đó đất ở là 208m², đất vườn 79m²) và ngôi nhà mái thái hai tầng gắn liền với đất tại xóm 7, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, hiện anh H đang quản lý, sử dụng nhưng đang thế chấp tại Ngân hàng NN chi nhánh huyện Hải Hậu. Nguồn gốc đất là do bố mẹ anh H cho. Tổng trị giá nhà và đất hiện nay trị giá 1.268.150.000đồng (trong đó: đất là 430.500.000đồng, nhà và công trình xây dựng là 837.650.000đồng).

Về nợ chung: Vợ chồng có vay mượn tài sản của nhiều người để trang trải cuộc sống, làm ăn phát triển kinh tế gia đình và chữa bệnh cho con gái, cụ thể hiện nay còn nợ các khoản sau:

1. Nợ Ngân hàng NN chi nhánh Hải Hậu số tiền: 500.000.000 đồng; 2. Nợ vợ chồng anh Mai Xuân N, chị Vũ Thị H số tiền: 800.000.000 đồng; 3. Nợ vợ chồng bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T số tiền: 186.000.000 đồng; 4. Nợ chị Hoàng Thị H số tiền: 100.000.000 đồng; 5. Nợ anh Trần Văn T số tiền: 50.000.000 đồng; 6. Nợ bà nội chị là Vũ Thị L (Tức Nguyễn Thị K) số tiền: 40.000.000 đồng; 7. Nợ bố mẹ đẻ chị là ông Nguyễn Thanh B và bà Mai Thị H số tiền: 1.200.000.000 đồng; 8. Nợ bà Mai Thị H1 17 chỉ vàng 9999; 9. Nợ bà Lã Thị M 20 chỉ vàng 9999; 10. Nợ bà Trần Thị V 09 chỉ vàng 9999; Tổng cộng số tiền hiện nay vợ chồng còn nợ chung là 2.876.000.000 đồng, số vàng là 46 chỉ vàng 9999;

Nay ly hôn chị O nhất trí để anh H được quyền sử dụng đất và sở hữu nhà, các công trình xây dựng gắn liền với đất và có trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

** Tại bản tự khai ngày 13/10/2021, trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Bùi Duy H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị O có tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 23/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định là đúng. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân như chị O trình bày. Ngoài ra còn do anh làm ăn kinh tế bị mất mát khiến vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Hiện vợ chồng đang sống ly thân. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn với chị O.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Bùi Thị T. D, sinh ngày 24/11/2004 và Bùi Duy M, sinh ngày 31/7/2008. Hiện cháu D bị bệnh như chị O trình bày là đúng, cả hai con đang ở cùng chị O. Khi ly hôn, anh nhất trí để chị O tiếp tục nuôi dưỡng hai con, anh tự có trách nhiệm đi lại thăm nom chăm sóc con chung và nhận cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu D 2.000.000đồng/tháng và cháu Mạnh 1.000.000đ/tháng không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ chung: Vợ chồng có thửa đất số 256, tờ bản đồ số 25, diện tích 287,0m², trên đất có nhà mái thái hai tầng xây dựng năm 2019 tại xóm 7, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, nguồn gốc là bố mẹ anh cho, nhà đất đang thế chấp tại Ngân hàng như chị O trình bày là đúng. Về nghĩa vụ tài sản: Hiện nay vợ chồng còn nợ tổng số tiền là 2.876.000.000 đồng và tổng số vàng là 46 chỉ vàng 9999 đối như chị O trình bày ở trên là đúng.

Nay ly hôn anh xin sở hữu toàn bộ tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và xin nhận trách nhiệm trả nợ toàn bộ khoản nợ chung vợ chồng.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm:* là bà Vũ Thị L(tức Nguyễn Thị K) và người đại diện theo ủy quyền của bà Lương là ông Nguyễn Thanh B khai nhận có cho vợ chồng chị O, anh H vay 40.000.000đồng; bà Trần Thị V khai nhận có cho vợ chồng chị O, anh H vay 09 (chín) chỉ vàng 9999; Vợ chồng ông Nguyễn Thanh B và bà Mai Thị H có cho vợ chồng chị O, anh H vay 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng); bà Lã Thị M có cho vợ chồng chị O, anh H vay 20 (hai mươi) chỉ vàng 9999; chị Hoàng Thị H có vay hộ cho vợ chồng chị O, anh H vay 100.000.000đồng; bà Mai Thị H1 cho vợ chồng chị O, anh H vay 17 chỉ vàng 9999; anh Trần Văn T vợ chồng chị O, anh H vay 50.000.000đồng. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên nhất trí ý kiến của chị O, anh H là để anh H có trách nhiệm trả những khoản nợ chung này sau khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng đề nghị Tòa án ghi nhận vào bản án hoặc quyết định ly hôn của các đương sự để anh H thực hiện nghĩa vụ tránh tranh chấp sau này.

** Tại bản tự khai ngày 18/10/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn T đều trình bày:*

Chị O từng là đồng nghiệp dạy cùng trường với bà Hạnh. Do vợ chồng chị O, anh H cần vốn làm ăn, phát triển kinh tế gia đình nên chị O có nhiều lần hỏi bà Hạnh vay tiền để vợ chồng anh chị làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Từ khoảng năm 2015 đến năm 2018 bà Hạnh nhiều lần cho vợ chồng chị O, anh H vay tổng số tiền là 200.000.000 đồng, các lần vay đều lập giấy biên nhận vay tiền, nội dung giấy không thể hiện lãi suất và thời hạn vay nhưng hai bên có thỏa thuận miệng là lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay khoảng từ 3 đến 6 tháng. Thời gian vay đã quá lâu, đã nhiều lần bà Hạnh yêu cầu vợ chồng chị O trả nợ

nhưng vợ chồng chị O mới trả 14.000.000đồng, còn 186.000.000đồng nợ gốc chưa trả, tiền lãi đã trả hết đến năm 2020. Nay chị O và anh H ly hôn, bà Hạnh, ông Tuyên yêu cầu chị O và anh H cùng phải có trách nhiệm trả vợ chồng ông bà số tiền 186.000.000đồng nợ gốc, không yêu cầu trả lãi.

** Tại bản tự khai ngày 15/10/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Mai Xuân N và chị Vũ Thị H (anh Ninh là người đại diện theo ủy quyền của chị Hoa) trình bày:*

Do có quan hệ quen biết nên năm 2020 vợ chồng anh Ninh, chị Hoa có nhiều lần cho vợ chồng chị O, anh H vay tổng số tiền là 1.380.000.000đồng để anh chị trang trải cuộc sống và làm ăn phát triển kinh tế gia đình, cụ thể: Ngày 09/3/2020 vay 130.000.000đồng, ngày 01/4/2020 vay 200.000.000đồng, ngày 03/4/2020 vay 100.000.000đồng, ngày 21/8/2020 vay 200.000.000đồng, ngày 01/10/2020 vay 250.000.000đồng, ngày 11/11/2020 vay 300.000.000đồng, ngày 15/11/2020 vay 200.000.000đồng. Các lần vay tiền đều có giấy biên nhận, có lãi suất theo thỏa thuận, không thời hạn vay. Do cần tiền đã nhiều anh Ninh chị Hoa yêu cầu vợ chồng chị O, anh H trả tiền, tuy nhiên mới trả được 580.000.000đồng, hiện còn nợ 800.000.000đồng. Nay vợ chồng anh H chị O ly hôn, anh Ninh chị Hoa yêu cầu cả chị O và anh H cùng phải có trách nhiệm trả số tiền gốc còn nợ là 800.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi.

** Tại công văn số 230/CV – TA, ngày 22/10/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng NN chi nhánh huyện Hải Hậu và tại công văn số 908/CV, ngày 26/10/2021 của Ngân hàng NN tỉnh Nam Định trình bày:*

Ngày 16/6/2021 vợ chồng anh Bùi Duy H và chị Nguyễn Thị O có vay của Ngân hàng NN chi nhánh huyện Hải Hậu (viết tắt là Ngân hàng) số tiền 500.000.000đồng, hai bên ký hợp đồng tín dụng số 3207 – LAV – 202101985 với nội dung: số tiền vay 500.000.000đồng, thời hạn vay 05 năm (hạn trả nợ cuối cùng ngày 16/6/2026). Tài sản đảm bảo khoản vay là quyền sử dụng thửa đất số 256, tờ bản đồ số 25, diện tích 287,0m² và ngôi nhà mái thái hai tầng trên thửa đất này tại xóm 7, Hải Nam, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định của vợ chồng anh H, chị O theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất 161/2021/HĐTC, ngày 10/06/2021, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất ngày 11/6/2021 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hải Hậu). Kể từ khi vay vốn đến nay, hàng tháng anh H và chị O vẫn trả lãi hàng tháng theo mức lãi suất và thời hạn trả như giao dịch tại hợp đồng tín dụng. Nay anh H và chị O ly hôn, Ngân hàng NN chi nhánh huyện Hải Hậu yêu cầu cả chị O và anh H cùng phải có trách nhiệm trả số tiền gốc còn nợ là 500.000.000đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa, chị O, anh H, anh Ninh và bà Vũ Thị Thủy là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng NN chi nhánh huyện Hải Hậu giữ nguyên ý kiến

đã trình bày ở trên. Chị O và anh H đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận thống nhất về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ cho anh Trần Văn T, bà Vũ Thị L (tức Nguyễn Thị K), vợ chồng ông Nguyễn Thanh B, bà Mai Thị H, bà Mai Thị H1, bà Lã Thị M, bà Trần Thị V. Đối với các khoản nợ của vợ chồng anh Ninh chị Hoa, vợ chồng bà Hạnh, ông Tuyên và Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh Hải Hậu

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 55, 59, 60, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị O đối với anh Bùi Duy H;

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ghi nhận sự tự nguyện của anh H về việc cấp dưỡng tiền nuôi con D 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con D có khả năng lao động tự lập được, cấp dưỡng nuôi con Mạnh 1.000.000đ/tháng đến khi con Mạnh thành niên và có khả năng lao động tự lập được. Thời điểm cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung tính từ tháng 12 năm 2021.

Về tài sản chung: Xác nhận tài sản chung của chị O, anh H là thửa đất số 256, tờ bản đồ số 25, diện tích 287,0m² (trong đó đất ở là 208m², đất vườn 79m²) và ngôi nhà mái thái hai tầng trên thửa đất này tại xóm 7, Hải Nam, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trị giá 1.268.150.000đồng; Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận thống nhất về việc chia tài sản chung của vợ chồng của các đương sự là anh H được quyền sử dụng đất và sở hữu nhà, các công trình xây dựng trên đất.

Về nghĩa vụ nợ chung : Anh H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản nợ chung của vợ chồng.

Anh H và chị O không phải thanh toán chênh lệch tài sản gì cho nhau.

Về án phí: Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: ông Nguyễn Thanh B, bà Mai Thị H, bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T, chị Hoàng Thị H,

anh Trần Văn T, bà Vũ Thị Hồng Lương, bà Mai Thị H1, bà Lã Thị M, bà Trần Thị V vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã có đơn xin được xét xử vắng mặt; chị Vũ Thị H đã ủy quyền cho anh Mai Xuân N nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O và anh Trần Duy Hưng đăng ký kết hôn vào ngày 23/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và do kinh tế gia đình, anh chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị O xin ly hôn, anh H nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị O và anh H đã trầm trọng, các bên đều không còn tình cảm với nhau, không còn thiết tha đoàn tụ. Như vậy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó cần công nhận sự thuận tình ly hôn chị Nguyễn Thị O và anh Trần Duy Hưng là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị O và anh Trần Duy Hưng thống nhất vợ chồng có hai con chung là Bùi Thị T. D, sinh ngày 24/11/2004 bị bệnh thiếu máu huyết tán, xơ gan và Bùi Duy M, sinh ngày 31/7/2008, hiện cả hai con đang ở cùng chị O. Khi ly hôn, chị O và anh H đã tự nguyện thống nhất: Chị O tiếp tục trực tiếp nuôi hai con, anh H cấp dưỡng nuôi con Mạnh là 1.000.000đồng/tháng đến khi thành niên có khả năng lao động tự lập được, cấp dưỡng nuôi con D 2.000.000đồng/tháng đến khi con có khả năng lao động tự lập được. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi kết thúc việc giải quyết vụ án tại Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thống nhất của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp, phù hợp với nguyện vọng của hai con đều muốn được ở với chị O và cũng phù hợp với hoàn cảnh thực tế. Do đó giao cho chị O trực tiếp nuôi hai con chung, anh H cấp dưỡng nuôi con Mạnh là 1.000.000đồng/tháng đến khi con thành niên có khả năng lao động tự lập được, cấp dưỡng nuôi con D 2.000.000đồng/tháng đến khi con có khả năng lao động tự lập được, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 12 năm 2021 là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung:

[4.1] Theo lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thì vợ chồng chị O, anh H có tài sản chung gồm: thửa đất số 256, tờ bản đồ số 25, diện tích 287,0m² (trong đó đất ở là 208m², đất vườn 79m²) tại xóm 7, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định có nguồn gốc được mẹ chồng tặng cho; vợ chồng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 837977, sổ vào sổ cấp GCN CS04362 ngày 07/6/2021 có trị giá là 430.500.000đồng. Trên đất vợ chồng đã xây dựng 01 ngôi nhà mái thái hai tầng diện tích 100m², tường rào, sân

bên tông, cộng có tổng trị giá 837.650.000đồng. Tổng cộng tài sản chung trị giá là 1.268.150.000đ (một tỷ hai trăm sáu mươi tám triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh H đang quản lý và sử dụng nhà đất. Thừa đất hiện đang thế chấp tại Ngân hàng NN chi nhánh Hải Hậu.

[4.2] Về chia tài sản: Khi ly hôn, chị O và anh H đã tự nguyện thỏa thuận và thống nhất: Anh H được quyền sử dụng thửa đất số 256, tờ bản đồ số 25, diện tích 287,0m² và sở hữu, sử dụng nhà, các công trình xây dựng trên đất tại xóm 7 xã N và không phải thanh toán cho chị O khoản tiền nào. Xét thấy việc các bên thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp nên cần công nhận sự thỏa thuận này cũng là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó giao cho anh H được quyền sử dụng thửa đất số 256, tờ bản đồ số 25, diện tích 287,0m² (trong đó đất ở là 208m², đất vườn 79m²) tại xóm 7, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định và được quyền sở hữu, sử dụng nhà mái thái hai tầng cùng các công trình xây dựng trên đất.

[5] Về nghĩa vụ nợ chung:

[5.1] Chị O, anh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thống nhất các khoản nợ chung của vợ chồng hiện chưa trả gồm: Nợ Ngân hàng NN chi nhánh Hải Hậu số tiền 500.000.000 đồng; Nợ vợ chồng anh Mai Xuân N, chị Vũ Thị H số tiền 800.000.000 đồng; Nợ vợ chồng bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T số tiền 186.000.000 đồng; Nợ chị Hoàng Thị H số tiền 100.000.000 đồng; Nợ anh Trần Văn T số tiền 50.000.000 đồng; Nợ bà Vũ Thị L(Tức Nguyễn Thị K) số tiền 40.000.000 đồng; Nợ vợ chồng ông Nguyễn Thanh B và bà Mai Thị H số tiền 1.200.000.000 đồng; Nợ bà Mai Thị H1 17 chỉ vàng 9999; Nợ bà Lã Thị M 20 chỉ vàng 9999; Nợ bà Trần Thị V 09 chỉ vàng 9999. Tổng cộng số tiền là 2.876.000.000 đồng, số vàng là 46 chỉ vàng 9999. Trước khi Tòa án tiến hành hòa giải, anh H và chị O đã tự nguyện thỏa thuận: Anh H được quyền sử dụng đất và sở hữu nhà các công trình gắn liền với đất và có trách nhiệm trả các khoản nợ chung của vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định các khoản nợ trên là nợ chung của chị O, anh H và công nhận sự thỏa thuận của anh H và chị O về việc anh H nhận trách nhiệm trả các khoản nợ chung.

[5.2] Anh Trần Văn T, bà Vũ Thị L(tức Nguyễn Thị K), vợ chồng ông Nguyễn Thanh B bà Mai Thị H, bà Mai Thị H1, bà Lã Thị M, bà Trần Thị V đều yêu cầu anh H, chị O phải trả số tiền, số vàng nợ gốc, không yêu cầu trả lãi và nhất trí để anh H nhận trách nhiệm trả nợ cho mình. Như vậy anh H, chị O và những người này đã thống nhất được số tiền, số vàng còn nợ và đều nhất trí để anh H nhận trách nhiệm trả nợ đề nghị Tòa án ghi nhận nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân gia đình và cũng là phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự.

[5.3] Vợ chồng anh Mai Xuân N chị Vũ Thị H, vợ chồng bà Trần Thị H ông Nguyễn Văn T, chị Hoàng Thị H đều yêu cầu vợ chồng anh H và chị O cùng có trách nhiệm trả nợ gốc, không yêu cầu trả lãi, không nhất trí mình anh H nhận trách nhiệm trả nợ. Ngân hàng NN chi nhánh huyện Hải Hậu yêu cầu cả anh H chị O phải cùng có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi như cam kết trong hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng.

Xét thấy, anh H và chị O đã cùng xác định và thống nhất các khoản vay của vợ chồng anh Ninh chị Hoa, vợ chồng bà Hạnh ông Tuyên và Ngân hàng NN chi nhánh huyện Hải Hậu là khoản nợ chung và anh H nhận trách nhiệm trả nợ; căn cứ vào điều kiện thực tế hiện nay chị O trực tiếp nuôi hai con, mặc dù anh H có cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng cháu D thường xuyên ốm đau, bị bệnh hiểm nghèo, không biết khi nào có khả năng lao động tự lập được, chị O không nhận tài sản chung của vợ chồng trong khi đó anh H được quyền sử dụng đất và sở hữu nhà, các công trình công trình xây dựng trên đất nên Hội đồng xét xử giao anh H có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng anh Ninh chị Hoa, vợ chồng bà Hạnh ông Tuyên và Ngân hàng là hoàn toàn phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của chị O và anh H.

[5.4] Như vậy cần buộc: Anh H có trách nhiệm: trả Ngân hàng NN chi nhánh Hải Hậu số tiền: 500.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng; trả vợ chồng anh Mai Xuân N, chị Vũ Thị H số tiền: 800.000.000 đồng; trả vợ chồng bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T số tiền: 186.000.000 đồng;

Ghi nhận sự tự nguyện của anh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hương, anh Tân, bà Lương, vợ chồng ông Bình, bà Hà, bà Hảo, bà Mai, bà Vân là anh H nhận trách nhiệm trả nợ: trả chị Hoàng Thị H số tiền: 100.000.000 đồng; trả anh Trần Văn T số tiền: 50.000.000 đồng; trả bà Vũ Thị L(Tức Nguyễn Thị K) số tiền: 40.000.000 đồng; trả vợ chồng ông Nguyễn Thanh B và bà Mai Thị H số tiền: 1.200.000.000 đồng; trả bà Mai Thị H1 17 chỉ vàng 9999; trả bà Lã Thị M 20 chỉ vàng 9999; trả bà Trần Thị V 09 chỉ vàng 9999.

Tổng cộng số tiền anh H phải trả nợ là 2.876.000.000 đồng và tiền lãi cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Hải Hậu và số vàng là 46 chỉ vàng 9999.

[6] Về chi phí tố tụng: Anh H nhận nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; anh H đã nộp tạm ứng và chi xong; tại phiên toà chị O, anh H không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí:

- Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị O phải nộp án phí ly hôn.
- Về án phí cấp dưỡng: Chị O không yêu cầu anh H cấp dưỡng, anh H tự nguyện nhận cấp dưỡng nuôi con, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về

phần cấp dưỡng nuôi con chung nên anh H không phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí chia tài sản: Do chị O và anh H thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung của vợ chồng trước khi Tòa án tiến hành phiên hòa giải và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận nên chị O và anh H không phải nộp án phí chia tài sản.

- Án phí nghĩa vụ vay tài sản: Do chị O, anh H và anh Tân, bà Lương (tức Kiểm), vợ chồng ông Bình bà Hà, bà Hảo, bà Mai, bà Vân tự thống nhất được nghĩa vụ trả nợ trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên anh H và chị O không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tài sản phải trả cho những người này.

Anh H phải nộp án phí đối với các khoản vay của vợ chồng anh Ninh chị Hoa, vợ chồng bà Hạnh ông Tuyên và Ngân hàng NN chi nhánh huyện Hải Hậu theo quy định của pháp luật với tổng số tiền là 1.460.000.000đ. Tuy nhiên vợ chồng chị O, anh H có đơn xin miễn giảm án phí vì hoàn cảnh kinh tế quá khó khăn đang nuôi con chung bị bệnh hiểm nghèo, bị bệnh thiếu máu huyết tán, xơ gan hàng tháng phải điều trị tại bệnh viện trung ương có xác nhận của chính quyền địa phương, tài sản hiện vợ chồng hiện có đã thế chấp ngân hàng và không đủ để trả nợ chung. Nên xét thấy cần miễn giảm một phần án phí nghĩa vụ trả nợ cho anh H là phù hợp.

Chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ các đương sự đã nộp đủ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 55, 59, 60, 62, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị O và anh Bùi Duy H.

2. Về việc nuôi con chung:

Giao 02 con chung là Bùi Thị T. D, sinh ngày 24/11/2004 và Bùi Duy M, sinh ngày 31/7/2008 cho chị Nguyễn Thị O nuôi dưỡng trực tiếp. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Mạnh là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng đến khi thành niên có khả năng lao động tự lập được; cấp dưỡng nuôi cháu D 2.000.000đ (hai triệu đồng/tháng) đến khi con D có khả năng lao động tự lập được, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 12 năm 2021. Anh Bùi Duy H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị Nguyễn Thị O.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản:

3.1. Anh Bùi Duy H được quyền sử dụng thửa đất số 256, tờ bản đồ số 25, diện tích 287,0m² (trong đó đất ở là 208m², đất vườn 79m²) tại xóm 7, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số CY 837977, số vào sổ cấp GCN CS04362 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 07/6/2021 đứng tên Bùi Duy H và Nguyễn Thị O, có trị giá là 430.500.000đồng và được quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất gồm: nhà mái thái hai tầng, các công trình khác trên đất trị giá 837.650.000đồng. Tổng trị giá tài sản là 1.268.150.000đ (một tỷ hai trăm sáu mươi tám triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Các tài sản trên do anh H đang quản lý, sử dụng. Hiện nhà đất đang thế chấp tại Ngân hàng NN chi nhánh huyện Hải Hậu.

Chị Nguyễn Thị O có trách nhiệm phối hợp với anh Bùi Duy H đăng ký biến động và xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên anh Bùi Duy H tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quyết định của bản án.

3.2. Anh Bùi Duy H có trách nhiệm trả nợ:

- Trả Ngân hàng NN chi nhánh Hải Hậu số tiền: 500.000.000 đồng và tiền lãi đã ghi trong hợp đồng tín dụng số 3207 – LAV – 202101985 ngày 16/6/2021 và phụ lục kèm theo hợp đồng.

- Trả vợ chồng anh Mai Xuân N, chị Vũ Thị H số tiền: 800.000.000 đồng;

- Trả vợ chồng bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T số tiền: 186.000.000 đồng;

- Trả chị Hoàng Thị H số tiền: 100.000.000 đồng;

- Trả anh Trần Văn T số tiền: 50.000.000 đồng;

- Trả bà Vũ Thị L(Tức Nguyễn Thị K) số tiền: 40.000.000 đồng;

- Trả vợ chồng ông Nguyễn Thanh B và bà Mai Thị H số tiền: 1.200.000.000 đồng;

- Trả bà Mai Thị H1 17 chỉ vàng 9999;

- Trả bà Lã Thị M 20 chỉ vàng 9999;

- Trả bà Trần Thị V 09 chỉ vàng 9999.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Căn cứ các khoản 2, 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điểm a, b, e khoản 5, điểm a khoản 6 và điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4.1. Chị Nguyễn Thị O phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 500.000 đồng chị O đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005970 ngày 13/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Nguyễn Thị O được nhận lại 200.000đ tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

4.2. Anh Bùi Duy H phải nộp 27.900.000 đồng án phí dân sự nghĩa vụ trả nợ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã N;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng